

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Ông Nguyễn Văn Trên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Bé T, sinh năm 1978; HKTT: Số 14, ấp AT, xã MAHA, huyện LV, tỉnh ĐT; tạm trú: Tổ 9, ấp ĐH, xã TTĐ, thành phố CL, tỉnh ĐT. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 14, ấp AT, xã MAHA, huyện LV, tỉnh ĐT (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị T là nguyên đơn trình bày:

Chị T và anh N có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là anh N thường xuyên uống rượu và đánh chị T, chị T đã bỏ đi từ năm 2012 đến nay. Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 23/5/2003, hiện đang sống với chị T. Nay chị T xin ly hôn. Con chung đồng ý theo nguyện vọng của con là được sống với

anh N, chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về chia tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2020 của Tòa án, anh N trình bày: Anh N thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian xa nhau, do vợ chồng không hợp nhau nên chị T bỏ đi. Nay anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Con chung thì nếu con muốn sống với anh N thì anh N sẽ nuôi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Anh N xin xét xử vắng mặt.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Con chung giao anh N nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh N đang sinh sống tại huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, theo quy định tại Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị T và anh N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, khi có mâu thuẫn chị T và anh N sống riêng, tự lo cho bản thân. Nay chị T xin ly hôn, anh N đồng ý. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 55. Thuận tình ly hôn

Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn.”

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình sống chung, có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 23/5/2003, hiện đang sống với chị T. Nay chị T và anh N thống nhất giao con cho anh N nuôi dưỡng, Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T và anh N không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T xin ly hôn nên phải nộp án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Bé T. Chị Võ Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 23/5/2003 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tương ứng với từng thời gian thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 5/2020 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh N và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Võ Thị Bé T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0009012 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Chị T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Án xử công khai. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện L V;
- UBND xã MAHA,
huyện LV, tỉnh ĐT,
(giấy CNKH số 45 ngày 13/9/2002);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên